TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13-01-2023
"V/v Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thảo Ngoan**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Thi Thị Thanh Trúc

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Liễu

Thư ký phiên tòa: Bà Kiên Thị Minh Hiếu

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Thanh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2022, về việc "Xin ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 104/2022/QĐST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Quý N**, năm sinh 1988.
Địa chỉ: ấp H B, xã, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.
- Bị đơn: Ông **Trần Đắc K**, sinh năm 1986.
Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Qúy N trình bày và yêu cầu như sau:

Bà Trần Quý N và ông Trần Đắc K được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh vào năm 2004 theo giấy Chứng nhận kết hôn số 101/2016 ngày 21/10/2016. Trong quá trình chung sống nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, giữa bà N và ông K xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cải vã, bất đồng nhiều quan điểm trong cuộc sống. Nhận thấy cuộc hôn nhân không thể cứu vãn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông Trần Đắc K.

- Về con chung: Có 01 con chung chưa thành niên là Trần Cát T, sinh ngày 31/01/2017 bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông Trần Đắc K phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Đắc K đều vắng mặt các lần triệu tập của Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự và Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Trần Quý N và ông Trần Đắc K xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh vào năm 2004 theo giấy Chứng nhận kết hôn số 101/2016 ngày 21/10/2016 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Quý N và ông Trần Đắc K là hợp pháp.

Nguyên đơn bà Trần Quý N trình bày rằng trong thời kỳ hôn nhân giữa bà với ông Trần Đắc K thường xuyên cự cải, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên giữa vợ chồng ông bà phát sinh mâu thuẫn dẫn đến sống ly thân từ tháng 06/2021 cho đến nay không thể hàn gắn được. Hội đồng xét xử thấy căn cứ vào lời khai của bà Trần Quý N cùng với việc trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Trần Đắc K để hòa giải nhằm làm rõ mâu thuẫn giữa hai bên để tìm giải pháp cho hai bên thỏa thuận, đoàn tụ với nhau nhưng ông Trần Đắc K vắng mặt, như vậy chứng tỏ ông Trần Đắc K không có ý chí muốn đoàn tụ với bà N. Ngoài ra, trong thời gian sống ly thân hai bên đương sự không tạo điều kiện cho nhau để cải thiện quan hệ vợ chồng, khắc phục sai lầm, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, cùng nhau chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Vậy nên, Hội đồng xét xử nhận thấy sự việc mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Trần Quý N và ông Trần Đắc K đã trở nên trầm trọng, vợ chồng ly thân đã lâu nhưng không thể hàn gắn tình cảm nên việc bà Trần Quý N yêu cầu ly hôn với ông Trần Đắc K là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về quyền nuôi dưỡng con chung: Do bà Trần Quý N là người đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Cát T, sinh ngày 31/01/2017 từ trước đến nay, qua xác minh về nguồn thu nhập và điều kiện chăm sóc trẻ thì bà N có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung, do đó Hội đồng xét xử nghĩ nên giao con chung cho bà Trần Quý N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Quý N đã được giải thích về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn khai không có và không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có và không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nguyên đơn có nghĩa vụ chịu án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28; Điều 35; Điều 91, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Quý N.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Quý N được ly hôn với ông Trần Đắc K.

Về con chung: Giao con chung tên Trần Cát T, sinh ngày 31/01/2017 cho bà Trần Quý N được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, ông K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung: Nguyên đơn khai không có và không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có và không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Quý N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0014012 ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành nên bà Trần Quý N không phải nộp thêm.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, phải thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thảo Ngoan